TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **89**/2019/DS - PT
Ngày: 23/04/2019
V/v: Kiện đòi tài sản trong Hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thu Hồng**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Toàn Giang**

Ông **Vũ Viết Văn**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Minh Đức** - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông **Nguyễn Mạnh Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2019/TLPT - DS ngày 08/01/2019 về việc *"Kiện đòi tài sản trong Hợp đồng dịch vụ"*.

Do bản án sơ thẩm số 12/2018/DS- ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T O, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2019/QĐ - PT ngày 25 tháng 03 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2019/QĐ - PT ngày 16 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ F Việt Nam** (Sau đây gọi tắt là Công ty F Việt Nam); Trụ sở: Tầng 11 Tòa nhà Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Ông Anantharaman Sridharan - Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: ông Cao Thanh L, sinh năm 1980; Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách pháp lý Công ty F Việt Nam. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T; sinh năm 1981; Luật sư công ty luật HD Sài Gòn Việt Nam; cư trú tại: 72/1 Phạm Ngọc Th, phường 6, quận 3, Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Bà **Vũ Thị Bích H**; sinh năm 1985; trú tại: Thôn Từ Châu, xã Liên Châu, huyện T O, Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Phó D - Luật sư Công ty luật TNHH OPIC và Cộng sự. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trong quá trình Toà án giải quyết, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/6/2017, Công ty F Việt Nam và bà H đã ký H đồng đại lý số HDDL-80000707. Theo đó, bà H là đại lý bảo hiểm nhân thọ của Công ty F Việt Nam, thay mặt Công ty F Việt Nam tiếp xúc khách hàng, thu xếp ký kết Hợp đồng bảo hiểm và Công ty F Việt Nam sẽ trả cho bà H các khoản tiền hoa hồng tương ứng với các Hợp đồng bảo hiểm đã được bà H bán được.

Cũng vào ngày 12/6/2017, Công ty F Việt Nam và bà H đã ký Thỏa thuận dành cho trưởng nhóm. Bằng thỏa thuận này, bà H sẽ phát triển và hỗ trợ nhóm đại lý trực tiếp của bà H; Công ty F Việt Nam sẽ thanh toán các khoản tiền thù lao tương ứng theo Thỏa thuận cho bà H.

Ngày 15/6/2017, Công ty F Việt Nam và bà H đã ký Thỏa thuận về chương trình phát triển sự nghiệp cho đại lý số 306/ACDP/2017. Nội dung Thỏa thuận: quy định về việc Công ty F Việt Nam sẽ chuyển cho bà H một khoản tiền với điều kiện bà H phải làm việc với tư cách là đại lý bảo hiểm của Công ty FWD Việt Nam liên tục và đủ 24 tháng, nếu bà H không đạt yêu cầu này, các khoản tiền bà H đã nhận phải được hoàn trả lại đầy đủ và toàn bộ cho Công ty F Việt Nam.

Ngày 19/6/2017, Công ty F Việt Nam và bà H đã ký Thỏa thuận Sử dụng Máy tính bảng. Theo đó, bà H đã nhận từ Công ty F Việt Nam một máy tính bảng với thông tin chi tiết: máy tính bảng Ipad Wifi, 4G, 32 GB Gold; số sêri: 355806082336018. Cũng theo thỏa thuận này, trường hợp bà H chấm dứt làm việc tại Công ty F Việt Nam với tư cách là đại lý bảo hiểm nhân thọ của F Việt Nam trước 24 tháng thì bà H phải bồi hoàn lại F Việt Nam số tiền là 10.000.000 đồng (M*ười triệu đồng*), đây là số tiền bồi hoàn chi phí cho máy tính bảng mà Công ty F Việt Nam đã cấp cho bà H.

Từ tháng 6/2017 đến tháng 10/2017, ngoài số tiền hoa hồng theo Hợp đồng đã bán được, bà H đã nhận của Công ty F Việt Nam số tiền 242.720.000 đồng (*Hai trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng)*.

Khoảng cuối tháng 8/2017, Công ty F Việt Nam nhận được thông tin từ các tư vấn viên tại khu vực Thành phố Hà Nội về việc bà H có hành vi tiết lộ chia sẻ thông tin khách hàng của Công ty F Việt Nam. Bộ phận Tuân thủ của Công ty F Việt Nam đã tiến hành hai cuộc họp với bà H và cấp quản lý trực tiếp của bà H là ông Đỗ Trường A.

Tại cuộc họp ngày 31/8/2017, bà H đã thừa nhận có hành vi chia sẻ thông tin khách hàng cho 05 người bạn của bà H qua các địa chỉ thư điện tử:

Chienngoc.brics@gmail.com

Lethihongngoc.aia@gmail.com

Phamquyetchien.aia@gmail.com

Chienngoc.barics@gmail.com

huynhtrongbaobhbh@gmail.com

Theo số liệu lưu trữ tại Máy tính bảng của bà H, thì bà H đã gửi tổng cộng 38 Bảng minh họa của Khách hàng cho 05 người này. Các Bảng minh họa này khi được lưu vào Máy tính và gửi bằng thư điện tử (email) ra ngoài, mỗi Bảng minh họa đều phải thể hiện rõ tất cả nội dung về thông tin nhân thân của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm như: họ và tên, số CMND, ngày tháng năm sinh, tình hình tài chính, địa chỉ liên hệ, email cá nhân.

Ngoài ra, cũng tại làm việc ngày 31/8/2017; bà H cũng thừa nhận việc đã chia sẻ thông tin về mật khẩu và tên truy cập của Máy tính bảng của Công ty F Việt Nam giao cho bà sử dụng cho một người bạn thân tên là Nguyễn Thị Thanh Th. Máy tính bảng mà bà H dùng là Máy tính bảng chuyên dụng, được Công ty F Việt Nam lập trình các phần mềm và cấp riêng cho các đại lý để thực hiện việc tư vấn, hỗ trợ khách hàng. Trong Máy tính bảng này lưu trữ toàn bộ thông tín cá nhân, đời tư, hồ sơ bệnh án, nghề nghiệp, tình trạng tài chính, thu nhập của toàn bộ khách hàng hiện tại của Công ty F Việt Nam mà bà H đã tư vấn và thu xếp để ký kết Hợp đồng bảo hiểm. Đây là hành vi vi phạm đạo đức hành nghề khá nghiêm trọng của bà H.

Với các vi phạm nêu trên của bà H, Công ty F Việt Nam căn cứ vào: Luật Kinh doanh Bảo hiểm; Nghị định số 73/2016/NĐ - CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm; Bộ tiêu chuẩn đạo đức dành cho Đại lý bảo hiểm (Bộ Tiêu chuẩn đạo đức này do Hiệp Hội Bảo Hiểm Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 033/QĐ-HHBHVN/2016 ngày 29/08/2016); Quy trình xử lý kỷ luật đại lý và các hình thức kỷ luật của F Việt Nam; Hợp đồng đại lý số HDDL-80000707 ký ngày 12/6/2017; Các chứng cứ của vụ việc, thể hiện trong hai biên bản họp ngày 31/8/2017 và ngày 01/09/2017.

Ngày 05/10/2017, Công ty F Việt Nam ban hành Quyết định số 213a/AC-2017/Ter để chấm dứt Hợp đồng đại lý với bà H với các lý do:

1.Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Tư vấn Tài Chính trong quản lý, sử dụng tài khoản đăng nhập thiết bị thông tin do Công ty cung cấp không đúng qui định tại mục 25 của Hợp đồng Đại lý và mục 82 Bảng tóm tắt các hình thức kỷ luật đính kèm theo Quy trình xử lý kỷ luật đại lý và các hình thức kỷ luật của Công ty;

2.Vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng được qui định tại mục 45.1 của Hợp đồng đại lý và mục 44 Bảng tóm tắt các hình thức kỷ luật đính kèm theo Quy trình xử lý kỷ luật đại lý và các hình thức xử lý kỷ luật của Công ty.

Theo quyết định này, kể từ ngày 05/10/2017, bà H không còn là đại lý bảo hiểm của Công ty F Việt Nam.

Căn cứ pháp lý của việc yêu cầu trả lại tất cả tiền và tài sản đã nhận: Căn cứ vào nội dung Thỏa thuận về chương trình phát triển sự nghiệp cho đại lý số 306/ACDP/2017 nêu rõ: *Khoản tiền hỗ trợ này chỉ là khoản ứng trước và đại lý vẫn phải đảm bảo các điều kiện khác để được nhận khoản hỗ trợ này* (trang 3) và Công ty F Việt Nam có quyền thu hồi toàn bộ khoản tiền đã ứng trước này trong trường hợp đại lý không còn tiếp tục hợp tác với Công ty F Việt Nam hoặc bị chấm dứt Hợp đồng đại lý với Công ty F Việt Nam vì bất kỳ lý do gì.

Do vậy, Công ty F Việt Nam yêu cầu bà H có nghĩa vụ bồi hoàn lại tất cả các khoản đã nhận từ Công ty F Việt Nam bao gồm khoản tiền nhận theo Chương trình phát triển sự nghiệp đại lý là 242.720.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng)* và bồi hoàn chi phí cấp Máy tính bảng số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Tổng cộng số tiền bà H phải trả lại cho F Việt Nam là: 252.720.000 đồng (*Hai trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).*

Quá trình thương lượng, giải quyết vụ việc: Công ty F Việt Nam đã nhiều lần liên hệ qua thư điện tử, thư đảm bảo, điện thoại trực tiếp, cũng như gặp gỡ trực tiếp bà H để yêu cầu bà H hoàn trả số tiền 252.720.000 đồng nhưng bà H luôn lẩn tránh, hoàn toàn không có thiện chí để làm việc với đại diện Công ty F Việt Nam, không thực hiện bất kỳ việc hoàn trả nào (dù là một phần nhỏ) đối với số công nợ nói trên cho Công ty F Việt Nam. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình và cũng như bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật, Công ty F Việt Nam buộc phải khởi kiện bà H ra Tòa án để yêu cầu giải quyết.

Theo tự khai, ý kiến trong quá trình Toà án giải quyết, bị đơn trình bày:

Ngày 12/06/2017, bà đã ký Hợp đồng đại lý số HDDL - 80000707 với Công ty F Việt Nam. Theo đó, bà là đại lý bảo hiểm nhân thọ của Công ty.

Cùng ngày 12/6/2017, bà và Công ty F Việt Nam ký Thỏa thuận dành cho trưởng nhóm.

Ngày 15/6/2017, bà và Công ty F Việt Nam đã ký Thỏa thuận về chương trình phát triển sự nghiệp cho đại lý số 306/ACDP/2017. Ngoài chính sách của Công ty F Việt Nam, thì đây là khoản hỗ trợ thêm khi bà xây dựng lại hệ thống kinh doanh mới tại công ty bảo hiểm mới và có quy định về chỉ tiêu trên Hợp đồng số 306/ACDP/2017.

Trong quá trình làm việc, bà lập kế hoạch hợp tác làm việc với vị trí trưởng phòng kinh doanh tại Công ty F Việt Nam, phát triển kinh doanh với doanh thu cá nhân, doanh thu phòng kinh doanh và phải hoàn thành chỉ tiêu của công ty giao.

Với cam kết thỏa thuận trên hợp đồng (ACĐP) bà sẽ nhận được 737.400.000 đồng khi đạt chỉ tiêu là 2.212.200.000 đồng phí bảo hiểm thu về trong vòng 2 năm.

Sau gần 04 tháng làm việc cho đến ngày 05/10/2017 (ngày công ty quyết định chấm dứt hợp đồng đại lý bảo hiểm), bà đã đem lại doanh số là 787.798.000 đồng phí bảo hiểm, với số tổng hợp đồng khách hàng là 62 Hợp đồng bảo hiểm. Như vậy, bà còn thiếu 1.424.402.000 đồng nữa bà sẽ nhận được số tiền còn lại là 478.400.000 đồng còn thiếu theo thoả thuận.

Ngoài số tiền hoa hồng theo các hợp đồng, bà đã nhận được khoảng 250.000.000 đồng tiền hỗ trợ bồi hoàn thu nhập. Bà cũng đã sử dụng cho mục đích kinh doanh để tạo doanh số, như tổ chức hội thảo, chi phí đi lại, chi phí ngoại giao và phát triển.

Bà không đồng ý yêu cầu của Công ty F Việt Nam với hai sai phạm như công ty nêu vì các lý do:

Thứ 1. Chia sẻ thông tin khách hàng trong việc gửi bản minh họa của công ty vào mail của các cá nhân mà theo công ty là không phải khách hàng trong bản minh họa: Khái niệm thông tin khách hàng là đầy đủ về họ tên; Ngày tháng năm sinh; Số CMT; Quê quán; Nơi ở; Số điện thoại; thông tin gia đình (Trong đó, chỉ có chứng minh thư, hoặc số điện thoại, hoặc địa chỉ thì mới có thể đảm bảo chắc chắn đó là một cá nhận được định danh).

Trong bản minh họa sản phẩm mà bà chia sẻ chỉ có các thông tin tên người mua bảo hiểm, ngày sinh, giới tính và các thông tin quyền lợi sản phẩm; không có các thông tin như CMT, số điện thoại, địa chỉ vì đều được ẩn đi trong phần mềm của công ty. Bản minh họa sản phẩm của công ty là thứ mà công ty đều muốn tất cả khách hàng đều phải biết trước khi tham gia bảo hiểm nhân thọ. Ai cũng có thể đề nghị bà tư vấn sản phẩm và xem minh họa sản phẩm để có thể tham gia.

Như vậy, Công ty F Việt Nam không đủ căn cứ để buộc bà vi phạm Hợp đồng đại lý bảo hiểm vì bà không tiết lộ thông tin khách hàng.

Thứ 2. Tiết lộ thông tin ID và password cho một người khác: Công ty F Việt Nam chưa có một buổi đào tạo nào nói về sử dụng ipad; phòng tuân thủ chưa có một buổi làm việc với đại lý về việc sử dụng ipad ra sao; trong các buổi hội thảo rất nhiều người tham gia nên việc bà đăng nhập từ ipad khác với mục đích hỗ trợ trong công việc để đảm bảo chất lượng phục vụ. Việc này không làm gì gây tổn hại, tổn thất hay ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu của Công ty F Việt Nam.

Công ty F Việt Nam buộc bà vi phạm tiết lộ thông tin ID và password cho người khác là không có căn cứ.

Khi sự việc xẩy ra, bà có liên hệ với phòng pháp lý Công ty F Việt Nam yêu cầu gặp người trực tiếp phụ trách nhưng không có phản hồi, cho đến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện T O.

Công ty F Việt Nam làm việc không minh bạch trong chế độ chính sách, tự quyền xử lý giải quyết công việc không thông qua thỏa thuận với đại lý.

Bà đã đem đến cho Công ty F Việt Nam một số lượng khách hàng lớn và tiềm năng. Nhưng Công ty F Việt Nam căn cứ vào những cáo buộc không đúng để chấm dứt hợp đồng sau đó trực tiếp ký hợp tác với khách hàng. Ngoài ra, công ty còn đưa bà vào Blacklist của hiệp hội bảo hiểm gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến công việc, sự nghiệp và thu nhập của bà.

Với số tiền Công ty F Việt Nam chi trả cho bà, bà đã sử dụng trong quá trình phát triển kinh doanh, việc Công ty F Việt Nam đòi lại số tiền đó là không hợp lý.

Bà đề nghị Công ty F Việt Nam hủy các quyết định trên và đảm bảo các quy định theo cam kết trên hợp đồng (CADP). Hợp đồng đại lý, hợp đồng quản lý đại lý và bồi thường thu nhập cho bà số tiền còn thiếu trong cam kết và thời gian bà không thể tham gia làm việc được trong ngành bảo hiểm nhân thọ do công ty đưa bà vào danh sách Backlist của Hiệp hội bảo hiểm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-St ngày 31/10/2018, Toà án nhân dân huyện T O đã quyết định:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty F Việt Nam.

2. Buộc bà H phải hoàn trả Công ty F Việt Nam số tiền đã nhận từ Chương trình phát triển sự nghiệp đại lý là 242.720.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) và bồi hoàn chi phí cấp Máy tính bảng số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Tổng cộng số tiền bà H phải trả lại cho Công ty F Việt Nam là: 252.720.000 đồng (*Hai trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu khoản lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất không vượt quá 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Đối với yêu cầu phản tố đòi bồi thường của bà H tại phiên tòa về việc: yêu cầu Công ty F Việt Nam bồi thường số tiền là 2.357.798.000 đồng. Đây là yêu cầu mới phát sinh tại phiên tòa, liên quan đến việc xem xét các quy định của Hiệp hội bảo hiểm đối với yêu cầu đòi bồi thường của bà H. Hội đồng xét xử không chấp nhận giải quyết trong vụ án này. Bà H có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm chịu án phí và quyền kháng cáo.

Sau phiên toà sơ thẩm, bà H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Công ty F Việt Nam vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà H có ý kiến mời ông Nguyễn Phó D - Luật sư Công ty luật TNHH OPIC và Cộng sự là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H tại phiên toà phúc thẩm.

Bà H vẫn giữ nguyên về nội dung và các căn cứ kháng cáo. Bà H xác nhận đã được đọc và hiểu toàn bộ các Hợp đồng, thoả thuận bà H đã ký với Công ty F Việt Nam. Bà H xác nhận quá trình làm đại lý bảo hiểm bà đã đem lại doanh số là 787.798.000 đồng phí bảo hiểm, bà đã nhận được khoản tiền hoa hồng là 40% của số tiền này. Ngoài ra, bà đã nhận 242.720.000 đồng theo Thỏa thuận về chương trình phát triển sự nghiệp cho đại lý. Bà H thừa nhận có để cho chị Nguyễn Thị Thanh Th - là trợ lý của bà H, chị Th không phải là nhân viên của Công ty F Việt Nam, cũng không được Công ty F Việt Nam chấp nhận tư cách trợ lý sử dụng Máy tính bảng của bà H được cấp riêng. Bà H thừa nhận đã chia sẻ thông tin khách hàng vào 05 địa chỉ thư điện tử (mail) của các cá nhân gồm:

Chienngoc.brics@gmail.com;Lethihongngoc.aia@gmail.com;Phamquyetchien.aia@gmail.com;Chienngoc.barics@gmail.com;huynhtrongbaobhbh@gmail.com

Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị đơn có quan điểm bảo vệ như đơn kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn có quan điểm bảo vệ như bản luận cứ lưu tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về trình tự tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự tố tụng; các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành tốt các quy định phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để làm rõ chị H có được học về bảo mật tuân thủ; lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Thanh Th và 05 người đã sử dụng địa chỉ thư điện tử (mail) đã nhận thông tin từ bà H để tính thiệt hại. Trong trường hợp không tạm ngừng phiên toà thì đề nghị Toà án huỷ án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Hợp đồng đại lý ngày 12/06/2017 đã được chấm dứt ngày 05/10/2017. Giữa hai bên không còn tồn tại quan hệ theo Hợp đồng đại lý, bà H không còn làm đại lý cho Công ty F Việt Nam, hai bên không tranh chấp Hợp đồng này mà Công ty F Việt Nam chỉ yêu cầu đòi tài sản trong Hợp đồng đại lý. Đây là quan hệ dân sự, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Kiện đòi tài sản trong Hợp đồng dịch vụ" là có cơ sở.

[1.2] *Về kháng cáo*: Bà H có mặt tại phiên toà ngày 31/10/2018; ngày 12/11/2018, bà H có đơn kháng cáo. Việc kháng cáo là đúng chủ thể, nội dụng, trong thời hạn luật định theo điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về yêu cầu phản tố của bị đơn*: Quá trình Toà sơ thẩm giải quyết vụ án, bà H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án. Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ bà H) ngày 22/08/2018, bà H xác nhận gia đình và bà H đều nhận được giấy triệu tập của Toà án và hai thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Trong hồ sơ sơ thẩm có Đơn phản tố đề ngày 25/10/2018 của bà H. Tại phiên toà phúc thẩm, bà H cũng xác nhận bà nộp đơn phản tố này ngay tại phiên toà sơ thẩm. Như vậy, bà H nộp đơn phản tố khi đã hết thời hạn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung vụ án**: Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy nội dung vụ án như sau:

Ngày 12/6/2017, Công ty F Việt Nam và bà H đã ký Hợp đồng đại lý số HDDL - 80000707. Theo đó, bà H là đại lý bảo hiểm nhân thọ của Công ty Việt Nam, thay mặt Công ty Việt Nam tiếp xúc khách hàng, thu xếp ký kết Hợp đồng bảo hiểm. Theo Điều 84 của Luật kinh doanh bảo hiểm, bà H là đại lý của Công ty Việt Nam. Do vậy, giữa hai bên phát sinh quyền và nghĩa vụ theo thoả thuận và theo pháp luật.

Cùng vào ngày 12/6/2017, Công ty F Việt Nam và bà H ký Thỏa thuận dành cho trưởng nhóm

Ngày 15/6/2017, Công ty Việt Nam và bà H ký Thỏa thuận về chương trình phát triển sự nghiệp cho đại lý số 306/ACDP/2017.

Ngày 19/6/2017, Công ty Việt Nam và bà H cũng đã ký Thỏa thuận Sử dụng Máy tính bảng.

Từ 12/06/2017 đến ngày 10/10/2017, bà H đã làm đại lý ký kết thành công 62 Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với doanh số là 787.798.000 đồng phí bảo hiểm.

Bà H đã nhận được 40% hoa hồng của các Hợp đồng bảo hiểm và 242.720.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng)* tiền hỗ trợ bồi hoàn thu nhập theo Thỏa thuận về chương trình phát triển sự nghiệp cho đại lý số 306/ACDP/2017.

Ngày 05/10/2017, Công ty Việt Nam ban hành Quyết định số 213a/AC-2017/Ter chấm dứt Hợp đồng đại lý với bà H với các lý do:

1.Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Tư vấn Tài Chính trong quản lý, sử dụng tài khoản đăng nhập thiết bị thông tin do Công ty cung cấp không đúng qui định tại mục 25 của Hợp đồng Đại lý và mục 82 Bảng tóm tắt các hình thức kỷ luật đính kèm theo Quy trình xử lý kỷ luật đại lý và các hình thức kỷ luật của Công ty;

2.Vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng được qui định tại mục 45.1 của Hợp đồng đại lý và mục 44 Bảng tóm tắt các hình thức kỷ luật đính kèm theo Quy trình xử lý kỷ luật đại lý và các hình thức xử lý kỷ luật của Công ty.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Xét căn cứ của Quyết định số 213a/AC - 2017/Ter*:

Tại mục 25 của Hợp đồng đại lý số HDDL - 80000707 quy định: "*Tư vấn tài chính phải tuân thủ các quy định của Công ty trong việc quản lý, sử dụng tài khoản email và các hệ thống thông tin liên lạc khác*".

Quy trình kỷ luật đại lý và các hình thức xử ký kỷ luật, các loại hình vi phạm trong đó tại mục 82 liệt kê nội dung "*Sử dụng tài sản của công ty sai mục đích*".

Tại mục 2 của Thỏa thuận sử dụng Máy tính bảng quy định "*Bên B hiểu rằng Máy tính bảng có chứa đựng các dữ liệu, thông tin mật của bên A và bên B cam kết sẽ thực hiện mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép để bảo mật mọi thông tin*".

Tại mục 2.6 Thỏa thuận sử dụng Máy tính bảng quy định: "*Tư vấn tài chính không cho mượn, cho thuê hoặc cho phép bất kỳ ai sử dụng/truy cập Máy tính bảng và các phần mềm/ dữ liệu trong Máy tính bảng*".

Tại mục 45.1 của Hợp đồng đại lý số HDDL - 80000707 quy định: " *Tư vấn tài chính không được tiết lộ các Thông tin bí mật (theo định nghĩa tại Điều 45.2)*".

Tại mục 45.2 quy định: "*Thông tin bí mật có nghĩa là bất kỳ dữ liệu hoặc thông tin nào liên quan đến hoạt động kinh doanh hoặc kế hoạch kinh doanh của công ty chưa được phổ biến rộng rãi như khách hàng hoặc bên mua bảo hiểm…*"

Tại Biên bản cuộc họp ngày 31/08/2017, bà H thừa nhận đã được học và biết về quy định của công ty về bảo mật thông tin. Ngoài ra, theo Điều 86 Luật kinh doanh bất động sản thì bà H đã phải có chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam cấp. Do vậy, bà H biết và cần phải biết những quy định về bảo mật thông tin với tư cách là đại lý bảo hiểm.

Tuy nhiên, bà H đã để cho chị Nguyễn Thị Thanh Th - không phải là nhân viên của Công ty F Việt Nam, cũng không được Công ty F Việt Nam chấp nhận tư cách trợ lý của bà H sử dụng ID, Password để sử dụng Máy tính bảng của bà H được cấp riêng; chia sẻ thông tin khách hàng vào 05 địa chỉ thư điện tử (mail) của các cá nhân khác gồm:

Chienngoc.brics@gmail.com;Lethihongngoc.aia@gmail.com;Phamquyetchien.aia@gmail.com;Chienngoc.barics@gmail.com;huynhtrongbaobhbh@gmail.com.

Tại mục 38 của Hợp đồng đại lý số HDDL - 80000707 quy định: " *Công ty có quyền chấm dứt Hợp đồng này ngay lập tức hoặc theo cách do Công ty quyết định nếu Tư vấn tài chính Vi phạm bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng này, bao gồm bất kỳ vi phạm nghĩa vụ nào của Tư vấn tài chính*".

Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có đủ căn cứ về việc bà H đã vi phạm mục 25, mục 45.1, mục 45.2 của Hợp đồng đại lý số HDDL - 80000707; mục 2 của Thỏa thuận Sử dụng Máy tính bảng; mục 82 của Quy trình kỷ luật đại lý và các hình thức xử ký kỷ luật, các loại hình vi phạm. Việc Công ty F Việt Nam ban hành Quyết định số 213a/AC-2017/Ter để chấm dứt Hợp đồng đại lý với bà H là có căn cứ.

[3.2] *Xét yêu cầu của Công ty F Việt Nam đòi lại số tiền 242.720.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)*:

a/ Xét yêu cầu đòi số tiền 242.720.000 đồng:

Theo mục 1.4 của Thỏa thuận về chương trình phát triển sự nghiệp cho đại lý số 306/ACDP/2017 quy định: "*F Việt Nam có quyền thu hồi toàn bộ hoặc một phần các khoản tiền hỗ trợ đã được chi trả cho Đại lý trong hai trường hợp sau: Thu hồi khi Đại lý không tiếp tục thực hiện hoạt động Đại lý cho F Việt Nam vì bất kỳ lý do lỗi của Đại lý…*"

Do vậy, khi Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn thì bà H phải hoàn trả số tiền hỗ trợ đã nhận.

b/ Xét yêu cầu đòi số tiền 10.000.000 đồng:

Theo 1.4 của Thỏa thuận sử dụng Máy tính bảng ngày 19/06/2017 quy định: "*Nếu Hợp đồng đại lý giữa Bên A và Bên B bị chấm dứt vì bất kỳ lý do gì, Bên B phải thanh toán cho Bên A chi phí để cấp Máy tính bảng; nếu Bên B làm đại lý cho Bên A được hơn (03) tháng kể từ ngày ký thoả thuận này, Bên B phải thanh toán cho Bên A 10.000.000 đồng*".

Thực tế Hợp đồng đại lý của bà H đã bị chấm dứt ngày 05/10/2017. Thời gian bà Hiệp làm đại lý cho Công ty F Việt Nam từ ngày 19/06/2017 đến ngày 05/10/2017 là hơn 03 tháng, theo thoả thuận bà H phải thanh toán cho Công ty F Việt Nam 10.000.000 đồng . Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn đòi lại số tiền 10.000.000 đồng là có căn cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi tiền của nguyên đơn là phù hợp với các Thoả thuận của các bên đã ký, phù hợp với khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

[5.1] *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán 252.720.000 đồng là: 252.720.000 đồng * 5%=12.636.000 đồng án phí.

[5.2] *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà Hiệp phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên toà phúc thẩm:

Đối với đề nghị tạm ngừng phiên toà: Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để chứng minh bà H biết và buộc phải biết những trách nhiệm của một tư vấn tài chính; bà H đã hiểu rõ Hợp đồng và các thoả thuận đã được ký kết; đã được học về bảo mật tuân thủ. Ngoài ra, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Thanh Th và 05 người đã sử dụng địa chỉ thư điện

tử để nhận thông tin từ bà H để tính thiệt hại vì vấn đề này đã được bà H thừa nhận; phạm vi khởi kiện là đòi lại tài sản theo Hợp đồng chứ không phải bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng nên không cần thiết phải xác định thiệt hại.

Đối với đề nghị huỷ án sơ thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các tình tiết của vụ án đã được làm rõ nên không có căn cứ huỷ án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 422 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 84, 86 Luật kinh doanh Bảo hiểm;

- Nghị định số 73/2016/NĐ - CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm;

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 200, Điều 271, Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị Bích H.

Giữ nguyên bản án số: 12/2018/DS - ST ngày 31/10/2018 của Toà án nhân dân huyện T O, Thành phố H, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty F Việt Nam.

2. Buộc bà Vũ Thị Bích H phải hoàn trả Công ty F Việt Nam số tiền đã nhận từ Chương trình phát triển sự nghiệp đại lý là 242.720.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng)* và bồi hoàn chi phí cấp Máy tính bảng số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Tổng cộng số tiền bà Vũ Thị Bích H phải trả lại cho Công ty F Việt Nam là: 252.720.000 đồng (*Hai trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu khoản

lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất không vượt quá 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đối với yêu cầu phản tố đòi bồi thường của bà Vũ Thị Bích H tại phiên tòa sơ thẩm về việc: Đề nghị Công ty F Việt Nam bồi thường số tiền là 2.357.798.000 đồng. Đây là yêu cầu mới phát sinh tại phiên tòa sơ thẩm khi đã hết thời hạn bị đơn được đưa ra yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử không xét trong quyết trong vụ án này.

4. Về án phí:

Bà Vũ Thị Bích H phải nộp 12.636.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0002379 ngày 17/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T O, Thành phố H; còn phải nộp 12.636.000 đồng (*Mười hai triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng*)

Công ty F Việt Nam không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty F Việt Nam số tiền 6.300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002273 ngày 19/07/ 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T O, Thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**